TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1003**/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v: Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thu Trà;

2. Bà Huỳnh Thị Quỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST–DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 617/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: G L, phường B (trước đây là Phường A), quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hoài T1, sinh năm 1996 hoặc bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: C H, phường T (trước đây là Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 012653, quyển số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/8/2024 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Bà T1 có mặt, bà D có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần T5**;

Trụ sở: 33 B, phường T (trước đây là Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí

Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thái P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: E KDC E, khu vực T, phường H (trước đây là phường P, quận C), thành phố Cần Thơ.

(Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Như Q, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 9 T, phường T (trước đây là phường T, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T là bà Nguyễn Thị Hoài T1 và bà Trần Thị Mỹ D thống nhất ý kiến trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và vợ chồng bà Nguyễn Như Q (cổ đông nắm giữ 85% cổ phần tại Công ty Cổ phần T5 *(sau đây gọi tắt là Công ty T5)*) có mối quan hệ quen biết thân thiết với nhau, đã từng hợp tác kinh doanh vài lần. Vì quen biết thân thiết, tin tưởng nhau, ngày 17/5/2018, ông T đồng ý cầm cố sổ tiết kiệm để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T5 tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T6 *(sau đây gọi tắt là Ngân hàng)* theo Giấy mượn tài sản có xác nhận của Công ty T5 Bò ngày 17/5/2018 và Hợp đồng cầm cố số 24/2018/HĐCC ngày 24/5/2018 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

Năm 2019, do Hợp đồng tín dụng đã ký năm 2018 hết hạn nên ông T ký tiếp Hợp đồng cầm cố số 30/2019/HĐCC ngày 30/9/2019 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T5 Bò theo Hợp đồng tín dụng số 37/2019/HĐTDHMDP-PN ngày 30/09/2019.

Năm 2020, do Hợp đồng tín dụng ký năm 2019 hết hạn nên ông T đã tiếp tục ký Hợp đồng cầm cố số 35/2020/HĐCC ngày 13/10/2020 để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T5 Bò theo Hợp đồng tín dụng số 42/2020/HĐTDHMDP-PN ngày 13/10/2020.

Năm 2021, do Hợp đồng tín dụng ký năm 2020 hết hạn nên ông T ký tiếp Hợp đồng cầm cố số 47/2021/HĐCC ngày 23/12/2021 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T5 Bò theo Hợp đồng tín dụng số 53/2021/HĐTDHMDP-PN ngày 23/12/2021. Ông T đã liên tục ký gia hạn như vậy để bảo đảm nghĩa vụ cho Công ty đến nay, mỗi năm ký gia hạn một lần, bên phía Công ty đều tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và có Biên bản họp xác nhận nội dung mượn tài sản của ông T để cầm cố bảo đảm nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng.

Năm 2022, do Hợp đồng tín dụng số 53/2021/HĐTDHMDP-PN hết hạn nên ngày 01/12/2022 ông T có đồng ý với bà Q và Công ty T5 Bò tiếp tục cầm cố sổ tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng số AA 0941064, số tài khoản 002070401024530 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty T5 Bò tại Ngân hàng theo Hợp đồng cầm cố số 52/2022/HĐCC ngày 01/12/2022 đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khoản vay của Công ty tại Ngân hàng.

Ngày 28/12/2023, do Hợp đồng tín dụng số 70/2022/HĐTDHMDP-PN ký ngày 01/12/2022 hết hạn nên ông T tiếp tục ký Hợp đồng cầm cố kiêm hợp đồng gửi, giữ tài sản số 43/2023/HĐCC sổ tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng số AA 0941064, số tài khoản 002070401024530 để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty T5 Bò tại Ngân hàng, bao gồm: Nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng; Nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các khoản chi phí khác theo Hợp đồng tín dụng số 57/2023/HĐ TDHMDP-PN ngày 28/12/2023 (hạn mức của Hợp đồng tín dụng số 57/2023/HĐTDHMDP-PN ngày 28/12/2023 bao gồm toàn bộ dư nợ 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng vay ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng số 70/2022/HĐTDHMDP-PN ngày 01/12/2022 chuyển sang).

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty T5 Bò khi tái ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng cầm cố, mới nhất là Biên bản họp ngày 27/12/2023, Công ty T5 Bò cam kết có trách nhiệm định kỳ hàng quý phải báo cáo cho ông T biết tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty T5 Bò. Trong trường hợp Công ty T5 Bò làm ăn thua lỗ và tài sản cầm cố của ông T bị xử lý để trả nợ vay cho Ngân hàng thì Công ty T5 Bò có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền tương đương mà Ngân hàng xử lý nợ trên sổ tiết kiệm của ông T bằng mọi nguồn thu của Công ty T5 Bò kể cả bán tài sản Công ty T5 Bò.

Tuy nhiên, cho đến nay Công ty T5 vẫn không thanh toán các khoản nợ quá hạn nêu trên cho Ngân hàng và bà Q - người đại diện khoản vay vốn cho Công ty T5 Bò theo Biên bản họp ngày 01/12/2022 nhiều lần không có mặt tại Ngân hàng để giải quyết các khoản nợ quá hạn của Công ty T5 Bò nên Ngân hàng đã tiến hành xử lý tài sản cầm cố của ông T là sổ tiết kiệm có kỳ hạn 13 tháng số AA 0941064, số tài khoản 002070401024530 để thu nợ gốc là: 3.650.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi tồn đọng đến ngày 12/4/2024 là: 61.957.632 (Sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng. Như vậy, ông T đã trả nợ thay cho Công ty tổng số tiền là: 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng theo Thông báo số 428a/2024/CV- KDCNTĐ và T2 xác nhận số dư nợ vay số 517/2024/KDCNTĐ.

Trong cả quá trình vay và thực hiện xác nhận nợ với Ngân hàng, phía Công ty T5 không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty T5 Bò cho ông T và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, dẫn đến việc tài sản đảm bảo của ông T bị xử lý để trả nợ vay ngân hàng thay cho Công ty T5 Bò. Ông T đã nhiều lần liên hệ trao đổi qua điện thoại, tin nhắn và gửi thông báo thu hồi nợ đến các địa chỉ liên lạc của Công ty T5, cũng như đối với vợ chồng bà Nguyễn Như Q, ông Lê Tiền T3 (chồng bà Q) và ông Nguyễn Quang H (cha ruột bà Q - đồng thời là chủ tịch Hội đồng quản trị).

Theo thông báo thu hồi nợ, Công ty đã quá thời hạn trả nợ từ ngày 20/07/2024 và lãi suất khoản vay là: 10%/năm. Hiện tại, ông T không nhận được phản hồi hợp tác tích cực trong việc hoàn tất các khoản nợ và lãi nêu trên, Công ty nhiều lần tìm cách trốn tránh, không trả nợ, việc này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Chính vì vậy, ông T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty T5 Bò phải hoàn trả cho ông T số tiền là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng (1);

- Buộc Công ty T5 phải trả cho ông T lãi suất của kỳ gửi tiết kiệm mà ông sẽ nhận được nếu không bị xử lý nợ trước hạn theo quy định của ngân hàng là 5.5% từ ngày 12/04/2024 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 111 ngày với số tiền là: 3.711.957.632 đồng x (5.5%/365) x 111 ngày = 62.086.305 (Sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ năm) đồng (2);

- Buộc Công ty T5 Bò phải trả cho ông T tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ thời điểm quá hạn thanh toán đến thời điểm xét xử, tạm tính lãi quá hạn là 10%/năm trên tổng khoản tiền trả nợ thay từ ngày 20/07/2024 đến ngày 21/02/2025 là 217 ngày với số tiền là: 3.711.957.632 đồng x (10%/365) x 217 = 220.683.509 (Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn năm trăm lẻ chín) đồng (3).

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Công ty T5 phải trả là (1) + (2) + (3) = 3.994.727.446 (Ba tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi sáu) đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần T5: người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T5 Bò dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Như Q dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T là bà Nguyễn Thị Hoài T1 trình bày:

Trước đây, nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện ngày 01/8/2024 đối với Công ty T5 về việc tranh chấp đòi tài sản với yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc Công ty T5 Bò phải hoàn trả cho ông T số tiền là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng (1);

- Buộc Công ty T5 phải trả cho ông T lãi suất của kỳ gửi tiết kiệm mà ông sẽ nhận được nếu không bị xử lý nợ trước hạn theo quy định của ngân hàng là 5.5% từ ngày 12/04/2024 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 111 ngày với số tiền là: 3.711.957.632 đồng x (5.5%/365) x 111 ngày = 62.086.305 (Sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ năm) đồng (2);

- Buộc Công ty T5 Bò phải trả cho ông T tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ thời điểm quá hạn thanh toán đến thời điểm xét xử, tạm tính lãi quá hạn là 10%/năm trên tổng khoản tiền trả nợ thay từ ngày 20/07/2024 đến ngày 01/8/2024 là 13 ngày với số tiền là: 3.711.957.632 đồng x (10%/365) x 13 = 13.220.671 (Mười ba triệu hai trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi mốt) đồng (3).

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Quốc T yêu cầu Công ty T5 phải trả là (1) + (2) + (3) = 3.787.264.608 (Ba tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ tám) đồng.

Xét thấy, trong cả quá trình vay và thực hiện xác nhận nợ với Ngân hàng, Công ty T5 không thực hiện nghĩa vụ báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho ông T và nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến việc tài sản đảm bảo cho ông T bị xử lý để trả nợ vay Ngân hàng thay cho Công ty T5 Bò. Mặc dù phía Ngân hàng và ông T đã nhiều lần liên hệ trao đổi qua điện thoại, tin nhắn và gửi thông báo thu hồi nợ đến các địa chỉ liên lạc của Công ty, cũng như bà Nguyễn Như Q nhưng Công ty T5 vẫn trốn tránh. Nhận thấy, Công ty T5 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên ông T trình bày sửa đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện như sau:

- Buộc Công ty T5 Bò hoàn trả cho ông T số tiền 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, bao gồm nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi tồn đọng đến ngày 12/4/2024 là 61.957.632 (Sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng;

- Buộc Công ty T5 phải trả cho ông T lãi suất trên số tiền nợ gốc từ ngày 13/4/2024 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 535 ngày:

3.650.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 535 ngày = 534.999.995 (Năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng.

Tổng cộng số tiền ông T yêu cầu Công ty T5 Bò có trách nhiệm phải trả cho ông T số tiền gốc và lãi tạm tính là 4.246.957.627 (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Như Q: Dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có

- Về nội dung: Căn cứ Giấy mượn tài sản về việc cầm cố tài sản để vay vốn Ngân hàng ngày 17/5/2018, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cầm cố được ký kết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty T5 và các biên bản, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền mà nguyên đơn phải trả nợ thay cho nguyên đơn tại Ngân hàng theo Giấy mượn tài sản ngày 17/5/2018, các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T6 và bên vay là Công ty T5 Bò, các Hợp đồng cầm cố

được ký kết giữa bên nhận cầm cố là Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T6, bên cầm cố là ông Nguyễn Quốc T và bên vay là Công ty T5 Bò, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Theo Công văn số 10724/ĐKKD-TG về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp của Công ty T5 Bò ngày 18/11/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H (nay là Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính Thành phố H) thì bị đơn Công ty T5 có trụ sở tại C B, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là C B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và hiện nay bị đơn chưa có đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc T; bị đơn là Công ty T5 Bò và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Như Q.

Căn cứ Giấy ủy quyền số công chứng 012653, Quyển số 08/2024TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/8/2024 tại Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh thì việc ủy quyền là hợp pháp, nên bà Nguyễn Thị Hoài T1 hoặc bà Trần Thị Mỹ D có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn Công ty T5 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Như Q dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về nội dung:

[4.1] Đối với yêu cầu bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) và tiền nợ lãi tồn đọng đến ngày 12/4/2024 là 61.957.632 (Sáu

mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty T5 Bò có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T6 theo các Hợp đồng tín dụng số 18/2018/HĐTDHMDP-PN ngày 23/5/2018, Hợp đồng tín dụng số 37/2019/HĐTDHMDP-PN ngày 30/9/2019, Hợp đồng tín dụng số 42/2020/HĐTDHMDP-PN ngày 13/10/2020, Hợp đồng tín dụng số 53/2021/HĐTDHMDP-PN ngày 23/12/2021, Hợp đồng tín dụng số 70/2022/HĐTDHMDP-PN ngày 01/12/2022 và Hợp đồng tín dụng số 57/2023/HĐTDHMDP-PN ngày 28/12/2023.

Căn cứ theo Giấy mượn tài sản ngày 17/5/2018 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu công ty của Công ty T5 và các Hợp đồng cầm cố tài sản được ký giữa bên cầm cố là nguyên đơn, bên nhận cầm cố là Ngân hàng và bên vay là bị đơn, cụ thể: Hợp đồng cầm cố số 24/2018/HĐCC ngày 24/5/2018, Hợp đồng cầm cố số 30/2019/HĐCC ngày 30/9/2019, Hợp đồng cầm cố số 35/2020/HĐCC ngày 13/10/2020, Hợp đồng cầm cố số 47/2021/HĐCC ngày 23/12/2021, Hợp đồng cầm cố số 52/2022/HĐCC ngày 01/12/2022 và Hợp đồng cầm cố kiêm hợp đồng gửi, giữ tài sản số 43/2023/HĐCC ngày 28/12/2023 thể hiện bị đơn Công ty T5 đã mượn tài sản là sổ tiết kiệm có kỳ hạn là 13 tháng số AA09410 của nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay của bị đơn tại Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bên cạnh đó, tại Biên bản họp Đại hội cổ đông của Công ty T5 Bò các ngày 17/5/2018, ngày 24/9/2019, ngày 22/12/2021, ngày 01/12/2022, ngày 27/12/2023, ngày đều có nội dung bị đơn cam kết sẽ trả hết nợ vay cho Ngân hàng và có trách nhiệm định kỳ hàng quý phải báo cáo cho ông T biết tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp Công ty làm ăn thua lỗ và tài sản cầm cố của ông T bị xử lý để trả nợ vay cho Ngân hàng thì Công ty có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền tương đương mà Ngân hàng xử lý nợ trên sổ tiết kiệm của ông T bằng mọi nguồn thu của Công ty K bán tài sản Công ty.

Do bị đơn đã không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng nên ông Nguyễn Quốc T với tư cách là chủ tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty T5 Bò đã làm việc với Ngân hàng để tiến hành xử lý tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm có kỳ hạn là 13 tháng số AA09410 của ông T để thu hồi toàn bộ số nợ của bị đơn là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi là 61.957.632 (Sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng theo Biên bản làm việc ngày 12/4/2024 giữa nguyên đơn và Ngân hàng, Thông báo số 428a/2024/CV-

KDCNTĐ ngày 01/7/2024 về việc chấp nhận miễn, giảm lãi và lãi chậm trả nợ lãi, Giấy báo nợ số HTD1EMBT1/9 ngày 12/4/2024 và Giấy báo nợ số NHHANHBT1/12 ngày 02/7/2024.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T4 và bị đơn Công ty T5 Bò có quan hệ vay mượn tài sản. Nguyên đơn đã sử dụng tài sản cá nhân của nguyên đơn là sổ tiết kiệm có kỳ hạn là 13 tháng số AA09410 để thu hồi toàn bộ số nợ của bị đơn là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng và nợ lãi là 61.957.632 (Sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng. Do đó, đối với yêu cầu buộc bị đơn Công ty T5 Bò phải hoàn trả cho ông T4 số tiền 3.711.957.632 đồng là số tiền ông T4 đã trả nợ cho Ngân hàng thay cho Công ty là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi suất trên số tiền nợ gốc từ ngày 13/4/2024 đến thời điểm xét xử, tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 535 ngày: 3.650.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 535 ngày = 534.999.995 (Năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng:

Về lãi suất, bị đơn Công ty T5 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã xử lý tài sản cầm cố là tài sản của nguyên đơn cho bị đơn mượn để vay vốn ngân hàng nhằm thu hồi nợ quá hạn của bị đơn, đồng thời bị đơn cũng không hoàn trả lại số tiền mà nguyên đơn đã trả nợ thay cho bị đơn, nghĩa là bị đơn đã chiếm dụng trái pháp luật quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn. Bên cạnh đó, do nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về mức lãi suất khi bị đơn chậm thanh toán số tiền phải hoàn trả lại cho nguyên đơn khi nguyên đơn đã thay bị đơn trả nợ cho Ngân hàng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 3.650.000.000 đồng mà nguyên đơn đã trả nợ thay cho bị đơn là phù hợp theo quy định của khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là có cơ sở chấp nhận.

Về thời hạn tính lãi, nguyên đơn đã trả nợ Ngân hàng thay cho bị đơn tổng số tiền là 3.711.957.632 (Ba tỷ bảy trăm mười một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc là 3.650.000.000 (Ba tỷ sáu trăm năm mươi triệu) đồng được nguyên đơn thanh toán vào ngày 12/4/2024 theo Giấy báo nợ số HTD1EMBT1/9 và nợ lãi là 61.957.632 (Sáu mươi mốt triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai) đồng được nguyên đơn thanh toán vào ngày 02/7/2024 theo Giấy báo nợ số NHHANHBT1/12. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc là 3.650.000.000 đồng với bị đơn kể từ ngày 13/4/2024 là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, số ngày để tính lãi đối với

bị đơn được xác định là từ ngày 13/4/2024 đến ngày 29/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 535 ngày.

Theo đó, số tiền lãi bị đơn chịu trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn là: 3.650.000.000 đồng x 535 ngày x (10% năm/365 ngày) = 534.999.995 (Năm trăm ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng;

Tổng cộng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: 3.711.957.632 đồng + 534.999.995 đồng = 4.246.957.627 (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến cũng như không đưa ra yêu cầu phản tố (nếu có), yêu cầu độc lập (nếu có) nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ hoàn trả lại tài sản cho nguyên đơn đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với nguyên đơn. Theo đó, Công ty T5 Bò phải chịu án phí trên tổng số nợ phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 4.246.957.627 (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

Ông Nguyễn Quốc T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị về việc miễn tiền tạm ứng án phí nên ông T được miễn tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 21, khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T, cụ thể:

- Buộc Công ty Cổ phần T5 Bò có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T số tiền 4.246.957.627 (Bốn tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi bảy) đồng.

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T5 Bò phải chịu là 112.246.958 (Một trăm mười hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc